TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 128/2019/QĐST-DS	*Kiên Lương, ngày 24 tháng 10 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 216/2019/TLST- DS, ngày 27 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lê Thị T,** sinh năm: 1955
Địa chỉ: 107 L, khu phố 3, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Phan Thị H,** sinh năm: 1956
Địa chỉ: khu phố X, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông **Huỳnh Văn U**, sinh năm: 1954 (chồng bà Hường)
Địa chỉ: khu phố X, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ: Các bên thống nhất bà Phan Thị H và ông Huỳnh Văn U còn nợ bà Lê Thị T số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Về cách trả nợ: Bà Tuyết cho bà H, ông U trả dần như sau: Mỗi tháng bà H, ông U trả 10.000.000 đồng, trả ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/11/2019;

Riêng ngày 01/11/2020 vợ chồng bà H, ông U trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);

Số còn lại trả mỗi tháng 10.000.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng từ ngày 01/12/2020 cho đến khi hết nợ.

Nếu ông bà H, ông U vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành toàn bộ số nợ để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Án phí DSST là 8.750.000 đồng nhưng nguyên đơn và bị đơn thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án. Do đó, các đương sự không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Minh